TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Đ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2018/ HNGĐ - ST
Ngày 11 /01/ 2018
"V/v Ly hôn."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Đ, TỈNH QUẢNGNINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Khắc Tuyn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Tuấn.

2. Ông Nguyễn Văn Bẩy.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Tô Thị Thịnh - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 342/2017/TLST- HNGĐ ngày 02/10/2017 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52 /2017/QĐST- HNGĐ ngày 27/12/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P.

Địa chỉ cư trú: Thôn Y2, xã Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T.

Địa chỉ cư trú: Thôn Y2, xã Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Quảng Ninh vào năm 1993. Sau khi kết hôn hai người về sống tại thôn Y2, xã Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống được khoảng 20 năm hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể dung hòa. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2015, khi ly thân mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị P xác định không còn tình cảm với anh T, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị xin được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1998. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân của hai người giống như chị P đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng làm ăn thua lỗ, chị P mải chơi, không chăm lo cho gia đình, chồng con nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã nhau. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay. Khi ly thân mỗi người sống một nơi, trong thời gian sống ly thân vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay chị P đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của anh không đồng ý ly hôn vì các con chung chưa ổn định, chưa lập gia đình, muốn gia đình trọn vẹn có đầy đủ bố mẹ. Trường hợp chị P cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T cũng xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Thị T như chị P trình bày. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Thủ tục thụ lý, thẩm quyền giải quyết đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị P và việc tiến hành các thủ tục tố tụng khác Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống chung sau khi kết hôn hạnh phúc bình thường được khoảng 20 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có sự khác biệt trong cách sống, làm ăn, sinh hoạt nên thường xảy ra cãi vã nhau. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ đầu năm 2015, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau.

Anh T không đồng ý ly hôn vì muốn con cái có gia đình trọn vẹn nhưng quá trình giải quyết, Tòa án đã mở các phiên họp, phiên hòa giải để các bên có điều kiện gặp gỡ, thỏa thuận, hoà giải với nhau về những vấn đề có tranh chấp. Anh T đã được thông báo về thời gian, địa điểm mở các phiên họp, phiên hòa giải nhưng đều vắng mặt, không có lý do. Như vậy có thể thấy anh T không thực sự mong muốn vợ chồng hòa giải, khắc phục những mâu thuẫn để trở về đoàn tụ.

Từ đó xác định: Chị P và anh T không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài; khả năng đoàn tụ là không có; cuộc sống chung không hạnh phúc; mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị Nguyễn

Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn T theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị P và anh T có hai người con chung hiện nay đều đã trưởng thành, các bên không có đề nghị gì nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định của pháp luật, chị Nguyễn Thị P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007154 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- Viện KSND thị xã Đ;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THA DS thị xã Đ;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Khắc Tuyn